

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phượng Kỳ, ngày 25 tháng 01 năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯƠNG KỲ

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê, công chức Tài chính - Kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Đảng uỷ xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các ông trưởng thôn;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Tân Văn Duẩn



Biểu số 108/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

NỘI DUNG THU		DỰ TOÁN		NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN	
TỔNG SỐ THU		13.935.133.000		TỔNG SỐ CHI	13.935.133.000	
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %		47.000.000		I. Chi đầu tư phát triển	10.000.000.000	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		10.042.000.000		II. Chi thường xuyên	3.856.433.000	
III. Thu bổ sung		3.846.133.000		III. Dự phòng	78.700.000	
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu		3.846.133.000				
IV. Thu chuyển nguồn						

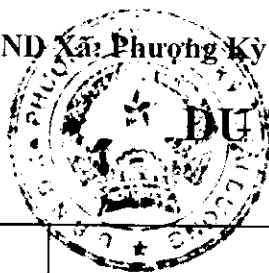
Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	13.935.133.000	13.935.133.000
I	Các khoản thu 100%	47.000.000	47.000.000
1	Phí, lệ phí	15.000.000	15.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	30.000.000	30.000.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	2.000.000	2.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	10.042.000.000	10.042.000.000
1	Các khoản thu phân chia	39.000.000	39.000.000
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000.000	3.000.000
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.000.000	1.000.000
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.000.000	35.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	10.003.000.000	10.003.000.000
21	Thu tiền sử dụng đất	10.000.000.000	10.000.000.000
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
23	Thuế tài nguyên		
24	Thuế giá trị gia tăng	2.000.000	2.000.000
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
26	Thuế thu nhập cá nhân	1.000.000	1.000.000
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.846.133.000	3.846.133.000
1	Thu bổ sung cân đối	3.846.133.000	3.846.133.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	13.935.133.000	10.000.000.000	3.935.133.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục	10.000.000.000	10.000.000.000	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	25.000.000		25.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	26.622.000		26.622.000
6	Chi thể dục, thể thao	50.000.000		50.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	18.506.000		18.506.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.448.645.000		3.448.645.000
10	Chi cho công tác xã hội	181.920.000		181.920.000
11	Chi khác	105.740.000		105.740.000
12	Dự phòng	78.700.000		78.700.000